

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TP. HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẠI VIỆT TP. HỒ CHÍ MINH

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ TRUNG CẤP CHÍNH QUY**
(Áp dụng cho khóa 24)

**NGÀNH
DƯỢC
MÃ NGÀNH: 5720201**

TP. Hồ Chí Minh, năm 2024

Số: 2024/QĐ-ĐV-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo
Ngành Dược - Trình độ đào tạo Trung cấp chính quy
Khóa 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẠI VIỆT TP. HCM

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Biên biên số 02/BB-ĐV-ĐT ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Phòng Đào tạo - CTHSSV Trường Trung cấp Đại Việt Thành phố Hồ Chí Minh về việc họp Hội đồng thông qua chương trình đào tạo hệ trung cấp năm 2024;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo - Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Dược - Trình độ đào tạo Trung cấp chính quy, khóa 2024, (đính kèm chương trình đào tạo).

Điều 2. Các Trưởng/Phó phòng, Khoa, Tổ bộ môn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như Điều 2 (để th/hiện);
- Lưu VT, Phòng ĐT-CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



ThS. Lê Thị Bích Thảo

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số: 40./QĐ-ĐV-ĐT ngày 05 tháng 7. năm 2024
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Đại Việt TP. Hồ Chí Minh)

Ngành, nghề	: Dược
Mã ngành, nghề	: 5720201
Trình độ đào tạo	: Trung cấp
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương, học thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định Bộ Lao động – Thương binh và xã hội và theo đề án tuyển sinh riêng của trường.
Thời gian khóa học	: 18 tháng (04 học kỳ)

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Dược học được phát triển dựa trên nhiều ngành khoa học khác nhau, trong đó cơ bản nhất vẫn là hóa học và sinh học - hai ngành quan trọng sử dụng kiến thức để bào chế ra các dược phẩm phục vụ cho sức khỏe con người. Ở góc độ nào đó, có thể hiểu đây là ngành học liên quan đến việc bào chế, sản xuất và phân phối thuốc hoặc các sản phẩm hỗ trợ, nâng cao sức khỏe;

Ngoài kiến thức cốt lõi về khoa học cơ bản và dược học cơ sở, sinh viên ngành Dược sẽ được đào tạo về khoa học công nghệ y dược hiện đại bao gồm cả sinh học phân tử, công nghệ nano, tin sinh học, dược động học,... để tiếp cận lĩnh vực khoa học công nghệ y dược tiên tiến hiện nay cũng như hiểu biết đầy đủ quá trình chuyển hóa thuốc trong cơ thể, những phản ứng bất lợi của thuốc, tương tác qua lại giữa các loại thuốc, công thức phối hợp thuốc để tạo hiệu quả chữa bệnh tối ưu và an toàn cho người dùng.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ chuyên môn ngành Dược trình độ trung cấp có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ dược giao, có khả năng tự học tập vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức



Vận dụng được kiến thức của học phần cơ sở (y học cơ sở, kỹ năng giao tiếp...) để có khả năng giao tiếp, tư vấn cho người bệnh và cộng đồng về dự phòng và điều trị các bệnh đơn giản;

Có khả năng vận dụng được kiến thức của các học phần chuyên môn để thực hiện đúng quy chế, đúng kỹ thuật các nhiệm vụ: cung ứng, bảo quản, tồn trữ, cấp phát thuốc, bào chế được một số thuốc thông thường, có khả năng làm được một số kỹ thuật cơ bản trong lấy mẫu và kiểm nghiệm thuốc;

Vận dụng được những kiến thức cơ bản về dược để hướng dẫn được người bệnh và cộng đồng sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả; tham gia thực hiện được một số nhiệm vụ trong chương trình y tế tại cộng đồng;

Nắm vững các kiến thức cơ bản về luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân để thực hiện đúng quy định về quản lý và sử dụng thuốc.

2.2.2. Về kỹ năng

Phân tích được một số đơn thuốc thông thường (tân dược và đông dược) để tư vấn cho người bệnh về lựa chọn thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả;

Thực hiện được một số kỹ thuật bào chế thông thường để có khả năng pha chế một số thuốc tại khoa dược bệnh viện và tiến hành đúng các thao tác theo quy trình sản xuất tại các cơ sở sản xuất thuốc hiện đại;

Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản trong kiểm nghiệm thuốc thông thường; thực hiện đúng các quy định về bảo quản, quản lý thuốc và các việc có liên quan đến đảm bảo chất lượng thuốc;

Có thể cập nhật, đọc hiểu và vận dụng đúng các quy định của văn bản quản lý nghiệp vụ chuyên môn do Bộ Y tế ban hành vào thực tế hành nghề dược

2.2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng, hợp tác với đồng nghiệp trong quá trình làm việc;
- Trung thực, khiêm tốn, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn;
- Coi trọng kết hợp Y dược học hiện đại với Y dược học cổ truyền.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kỹ thuật viên tại các phòng thực hành Dược;
- Nhân viên tại Khoa Dược Bệnh viện;
- Mô Quây thuốc tư nhân;
- Nhân viên bán thuốc.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1185/55 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 28 môn học
- Khối lượng học tập các môn học chung: 270/12 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 915/43 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 525 giờ; thực hành, thực tập: 660 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Áp dụng các kiến thức về chính trị, pháp luật
2	NLCB-02	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
3	NLCB-03	Sử dụng Tiếng Anh giao tiếp cơ bản
4	NLCB-04	Áp dụng các kiến thức về An ninh, Quốc phòng
5	NLCB-05	Duy trì sức khỏe
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
6	NLCL-01	Đề đọc và nhận biết tên thuốc đúng cách
7	NLCL-02	Sử dụng trong việc nhận diện các loại thực vật xung quanh
8	NLCL-03	
9	NLCL-04	
10	NLCL-05	Xác định thành phần hàm lượng của các nguyên liệu
11	NLCL-06	Nền tảng quan trọng trong hệ thống chăm sóc sức khỏe
12	NLCL-07	
13	NLCL-08	Giúp cho việc sử dụng tốt các nguồn lực từ đơn vị và cộng đồng một cách hiệu quả
14	NLCL-09	Nghiên cứu về sinh học và hoá học những nguyên liệu dùng làm thuốc có nguồn gốc thực vật và động vật
15	NLCL-10	
16	NLCL-11	Nghiên cứu về tính chất vật lý, hóa học, hoạt tính sinh học, phương pháp phát hiện, điều chế, xác định cấu trúc của các hoạt chất sử dụng làm thuốc hoặc các phụ gia (tá dược) trong bào chế dược phẩm.
17	NLCL-12	
18	NLCL-13	Tác dụng của thuốc trong cơ thể để áp dụng trong công tác phòng và chữa bệnh.
19	NLCL-14	
20	NLCL-15	Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực hành về pha chế, sản xuất các

HỘI
LẬP
PHỔ
MINI
HNV

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
21	NLCL-16	dạng thuốc; tiêu chuẩn chất lượng; cách đóng gói, bảo quản các dạng thuốc đó nhằm phát huy cao nhất hiệu lực điều trị của thuốc, đảm bảo an toàn, thuận tiện
22	NLCL-17	Nghiên cứu về tổ chức và quản lý chuyên môn về dược trong tất cả các khâu: Xuất, nhập khẩu, sản xuất, pha chế, tồn trữ, bảo quản, mua bán, cung ứng và sử dụng thuốc,... nhằm đảm bảo chất lượng thuốc phòng và chữa bệnh
23	NLCL-18	Áp dụng kiến thức để tham gia chăm sóc bệnh nhân nhằm tối ưu hóa điều trị và tăng cường sức khỏe, thể chất, tinh thần và ngăn ngừa bệnh tật
24	NLCL-19	Áp dụng kiến thức chuyên sâu về dược lý, nghiên cứu và phát triển sản phẩm đặc thù như thuốc, chế phẩm ngành dược, mỹ phẩm cũng như đánh giá hiệu quả, công năng, ghi nhận tác dụng phụ có thể xảy ra trong quá trình sử dụng
25	NLCL-20	Nâng cao trình độ và sự hiểu biết về tầm quan trọng trong vệ sinh và bảo quản trang thiết bị dụng cụ Y học
26	NLCL-21	Trải nghiệm thực tế kiến thức đã học
III	Năng lực nâng cao	
27	NLNC-01	Trang bị các kiến thức về giao tiếp lắng nghe, thấu hiểu người khác để vận dụng và chăm sóc sức khỏe người bệnh, giao tiếp với khách hàng và đối tác

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/Kiểm tra
I	Các môn học chung					
020001	Giáo dục Chính trị	2	30	28	00	02
020002	Pháp luật	2	30	28	00	02
020003	Tin học	2	45	15	27	03

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
020004	Tiếng Anh	3	90	00	85	05
020005	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	15	27	03
020006	Giáo dục thể chất	1	30	00	27	03
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
0100307	Viết đọc tên thuốc	2	30	28	00	02
0100308	Thực vật dược-LT	2	30	28	00	02
0100309	Thực vật dược-TH	1	30	00	27	03
0100310	Hóa phân tích -LT	2	30	28	00	02
0100311	Hóa phân tích -TH	1	30	00	27	03
0100312	Y học cơ sở -LT	2	30	28	00	02
0100313	Y học cơ sở - TH	1	30	00	27	03
0100314	Tổ chức và quản lý y tế	1	15	14	00	01
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
0100315	Dược liệu - LT	2	30	28	00	02
0100316	Dược liệu - TH	1	30	00	27	03
0100317	Hóa dược - LT	3	45	42	00	03
0100318	Hóa dược -TH	2	60	00	55	05
0100319	Dược lý - LT	2	30	28	00	02
0100320	Dược lý - TH	2	60	00	55	05
0100321	Bào chế - LT	3	45	42	00	03
0100322	Bào chế - TH	2	60	00	55	05
0100323	Quản lý dược và Marketing dược	2	30	28	00	02
0100324	Dược lâm sàng	2	30	28	00	02

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
0100325	Kiểm nghiệm thuốc	2	30	28	00	02
0100326	Bảo quản thuốc – dụng cụ y tế	2	30	28	00	02
0100327	Thực tập tốt nghiệp	4	180	00	180	00
II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao					
0100328	Kỹ năng giao tiếp và tư vấn dược	2	30	28	00	02
Tổng cộng		55	1185	492	619	74
III	Thi tốt nghiệp					
TT	Môn thi	Hình thức thi		Thời gian thi		Ghi chú
1	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết		180 phút		
2	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành		Từ 20-30 phút/HS		

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung nhà trường

Đối với xây dựng thời gian đào tạo 06 môn học chung, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng đối với trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công văn số 15670/SLĐTĐBXH-GDNN ngày 17/5/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP. HCM. Cụ thể:

Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; và Công văn số 15670/SLĐTBXH-GDNN ngày 17/05/2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP. HCM về việc tiếp tục đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở Giáo dục Nghề nghiệp;

Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Về giờ học:

- 1 giờ học lý thuyết	=	45 phút
- 1 giờ học thực hành/tích hợp	=	60 phút
- 1 tín chỉ lý thuyết	=	15 giờ
- 1 tín chỉ thực hành		
(tại phòng thực hành, thảo luận ,..)	=	30 giờ
(thực tập, tiểu luận, đồ án, khóa luận,...)	=	45 giờ

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản/cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

* Tổ chức cho sinh viên thực hành, thực tập theo quy định tại các bệnh viện/nhà thuốc/cơ sở y tế theo Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 về việc quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

* Sau mỗi khóa học, Trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/học phần.

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng

thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp ở sinh viên.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1.

(2). Điểm kiểm định kỳ: Hệ số 2.

→ Điểm TB điểm kiểm tra = [Điểm hệ số 1 + (Điểm hệ số 2 x 2) / tổng hệ số

Điểm TB điểm kiểm tra đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5.0 trở lên.

* **Điểm thi kết thúc môn:** Trọng số 0,6

* **Cách tính điểm TB môn:**

Điểm TB môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

→ Điểm TB môn = [Điểm TB điểm kiểm tra x 0,4] + [Điểm thi kết thúc môn x 0,6]

Điểm TB môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5.0 trở lên.

Ghi chú: Sinh viên được dự thi kết thúc môn học, khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết;
- Tham dự đầy đủ 100% thời gian học thực hành và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

7.4. Ôn thi, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Học sinh phải học hết chương trình đào tạo ngành Dược và tích lũy đủ số học phần trong chương trình mới được thi tốt nghiệp. Khoa Y Dược có trách nhiệm tổ chức ôn và thi tốt nghiệp theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả tích lũy học phần của học sinh, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh.



SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BÍNH VÀ QUẢN LÝ VIỆC VIỆC
TRƯỜNG TRUNG CẤP DẠY VIỆC TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Dược

Mã ngành: 572020

Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV
Giáo dục Chính trị	Thực vật dược - LT	Dược liệu - LT	Bảo chế - LT
Pháp luật	Thực vật dược - TH	Dược liệu - TH	Bảo chế - TH
Tin học	Hóa phân tích - LT	Hóa dược - LT	Dược lâm sàng
Tiếng Anh	Hóa phân tích - TH	Hóa dược - TH	Kiểm nghiệm thuốc
Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Y học cơ sở - LT	Dược lý - LT	Bảo quản thuốc - dụng cụ y tế
Giáo dục thể chất	Y học cơ sở - TH	Dược lý - TH	Kỹ năng giao tiếp và tư vấn dược
Viết đọc tên thuốc	Tổ chức và quản lý y tế	Quản lý dược và Marketing dược	Thực tập tốt nghiệp
			Thi tốt nghiệp